

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: **01/2020/KDTM-ST**

Ngày: 10-3-2020.

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thanh Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Phước**.

2. Ông **Hà Văn Châu**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Ngọc Hân**, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thúy Trang** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2019/TLST-KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định nhập vụ án số 05/2019/QĐST-KDTM ngày 15/7/2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần PĐ.

Địa chỉ: Số A, đường A1, phường BN, Quận 1, Thành phố HCM.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lâm Văn N**, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Số B, đường THĐ, phường B1, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ - TT.XLN - Ngân hàng Thương mại cổ phần PĐ chi nhánh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (có mặt).

2. Bị đơn:

- Ông **Trần Văn T** (có mặt).

- Ông **Trần Minh Tr** (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A1, ấp A2, xã A3, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Trần Văn Ch** (vắng mặt).

- Bà **Huỳnh Thị Kiều O** (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số B1, ấp A2, xã A3, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông **Nguyễn Quốc H** (vắng mặt).

- Bà **Trần Thị Đình Nh** (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số B3, ấp A2, xã A3, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 18/01/2018, ngày 04/10/2018 và ngày 19/11/2018 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần PD cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm Văn N trình bày:

- Ngày 03/12/2015 Ngân hàng thương mại cổ phần PD – Chi nhánh Sóc Trăng cùng với ông Trần Văn T và ông Trần Minh Tr có ký Hợp đồng tín dụng số 0557/2015/HĐTD-CN để vay số tiền là 250.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn mua bán điểm tâm sáng, cà phê giải khát, phụ tùng xe máy, sửa chữa xe máy, lãi suất cố định 10,8%/năm trong 12 tháng đầu, từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức tính lãi suất: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + biên độ lãi suất, trong đó:

+ Lãi suất cơ sở: Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố tại thời điểm tính lãi.

+ Biên độ lãi suất: tối thiểu 4,5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 04/12/2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 04/12/2015 Ngân hàng đã giải ngân cho ông Trần Văn T và ông Trần Minh Tr số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 04/12/2015, trả gốc hàng tháng, định kỳ vào ngày 04 hàng tháng, mỗi kỳ trả 4.100.000 đồng (59 kỳ), kỳ cuối trả 8.100.000 đồng; Trả lãi 01 tháng 01 lần, định kỳ vào ngày 04 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Bên vay đã trả được số tiền lãi từ ngày 04/12/2015 đến hết ngày 30/10/2017 là 46.106.613 đồng, tiền gốc đã trả đến hết ngày 01/11/2017 là 90.200.000 đồng.

Để đảm bảo cho Hợp đồng trên ông Trần Văn T và ông Trần Văn Tr có thể chấp tài sản sau: Một quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 988887, thửa đất số 2.670, tờ bản đồ số 6, diện tích 273m² do UBND huyện CT, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần Văn Ch vào ngày 30/9/2014 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0557/2015/BĐ ngày 03/12/2015 được Văn phòng công chứng Ba Xuyên chứng thực ngày 04/12/2015.

- Đến ngày 31/10/2016, ông Trần Văn T đã ký Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kèm hợp đồng, hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng. Ngày 07/12/2016, Ngân hàng đã bàn giao thẻ cho ông Trần Văn T. Vào ngày 15/12/2016 ông T đã thực hiện giao dịch rút số tiền là 15.000.000 đồng; ngày 15/4/2017 ông T rút thêm số tiền là 2.100.000 đồng và ngày 15/5/2017 ông T tiếp tục thực hiện giao dịch rút thêm số tiền là 2.000.000 đồng. Như vậy ông T đã rút tổng cộng số tiền là 19.100.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện giao dịch thẻ ông T đã trả được số tiền vốn là 4.100.000 đồng, còn lại số tiền vốn 15.000.000 đồng đến nay ông T chưa thanh toán,

đã trả lãi được số tiền là 4.510.000 đồng.

Để đảm bảo cho Hợp đồng trên ông Trần Văn T có thể chấp tài sản sau: Một quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 988887, thửa đất số 2.670, tờ bản đồ số 6, diện tích 273m² do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần Văn Ch vào ngày 30/9/2014 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0557/2015/BĐ ngày 03/12/2015 được Văn phòng công chứng Ba Xuyên chứng thực ngày 04/12/2015 và Giấy cam kết đề ngày 09/11/2016. Như vậy, ông T đã vi phạm cam kết trả nợ và tạm tính đến ngày 05/3/2020 ông Trần Văn T còn nợ Thẻ tín dụng tổng cộng số tiền là 82.113.251 đồng. Trong đó tiền vốn là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 67.113.251 đồng.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần PD yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 0557/2015/HĐTD-CN ngày 03/12/2015: Buộc ông Trần Văn T và ông Trần Minh Tr có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần PD tổng số tiền vốn và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 05/3/2020 là: 214.436.236 đồng. Trong đó tiền vốn trong hạn là 40.900.000 đồng, tiền vốn quá hạn là 118.900.000 đồng; tiền lãi trong hạn tính từ ngày 01/11/2017 đến hết ngày 05/3/2020 là 29.059.975 đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 05/11/2017 đến hết ngày 05/3/2020 là 25.576.261 đồng cùng với tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Đối với Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 31/10/2016: Buộc ông Trần Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần PD số tiền tạm tính đến hết ngày 05/3/2020 tổng số tiền vốn và lãi là 82.113.251 đồng. Trong đó tiền vốn là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 67.113.251 đồng cùng với tiền lãi phát sinh theo Điều khoản và điều kiện sử dụng Thẻ tín dụng PD cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Trần Văn T và ông Trần Minh Tr không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp trên để Ngân hàng thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông T thừa nhận: Ngày 03/12/2015 Ngân hàng thương mại cổ phần PD – Chi nhánh Sóc Trăng cùng với ông Trần Văn T và ông Trần Minh Tr có ký Hợp đồng tín dụng số 0557/2015/HĐTD-CN để vay số tiền là 250.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn mua bán điểm tâm sáng, cà phê giải khát, phụ tùng xe máy, sửa chữa xe máy, lãi suất cố định 10,8%/năm trong 12 tháng đầu, từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức tính lãi suất: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + biên độ lãi suất, trong đó:

+ Lãi suất cơ sở: Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố tại thời điểm tính lãi.

+ Biên độ lãi suất: tối thiểu 4,5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 04/12/2015.

Ngày 04/12/2015 Ngân hàng đã giải ngân cho ông T số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 04/12/2015, trả gốc hàng tháng, định kỳ vào ngày 04 hàng tháng, mỗi kỳ trả 4.100.000 đồng (59 kỳ), kỳ cuối trả 8.100.000 đồng; Trả lãi 01 tháng 01 lần, định kỳ vào ngày 04 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng. Ông T đã trả được số tiền lãi từ ngày 04/12/2015 đến hết ngày 30/10/2017 là 46.106.613 đồng, tiền gốc đã trả đến hết ngày 01/11/2017 là 90.200.000 đồng.

- Đến ngày 31/10/2016, ông Trần Văn T đã ký Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kèm hợp đồng với hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng. Ngày 07/12/2016, Ngân hàng đã bàn giao thẻ cho ông Trần Văn T. Trong quá trình sử dụng thẻ ông T có rút số tiền 15.000.000 đồng mục đích là để đóng lãi cho Hợp đồng tín dụng số 0557/2015/HĐTD-CN ngày 03/12/2015. Đến ngày 15/4/2017 ông T rút thêm số tiền là 2.100.000 đồng và ngày 15/5/2017 ông T tiếp tục thực hiện giao dịch rút thêm số tiền là 2.000.000 đồng. Như vậy ông T đã rút tổng cộng số tiền là 19.100.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện giao dịch thẻ ông T đã trả được số tiền vốn là 4.100.000 đồng, còn lại số tiền vốn 15.000.000 đồng đến nay ông T chưa thanh toán, đã trả lãi được số tiền là 4.510.000 đồng.

Để đảm bảo cho Hợp đồng trên ông Trần Văn T có thể chấp tài sản sau: Một quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 988887, thửa đất số 2.670, tờ bản đồ số 6, diện tích 273m² do UBND huyện CT, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần Văn Ch vào ngày 30/9/2014 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0557/2015/BĐ ngày 03/12/2015 được Văn phòng công chứng Ba Xuyên chứng thực ngày 04/12/2015 và Giấy cam kết đề ngày 09/11/2016.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T có ý kiến như sau: Ông T đồng ý trả toàn bộ số tiền vốn và lãi nêu trên theo yêu cầu của Ngân hàng cùng với tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Tuy nhiên do điều kiện hoàn cảnh gia đình ông T đang gặp khó khăn về kinh tế nên ông T xin phía Ngân hàng cho ông T và ông Tr được trả dần số nợ trên theo phân kỳ hàng tháng như hợp đồng tín dụng đã ký trước đây. Riêng đối với số nợ thẻ tín dụng thì ông T xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Trường hợp ông T và ông Tr không có khả năng trả số nợ trên thì ông T không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp vì căn nhà đó là chỗ ở duy nhất của gia đình ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kiều O trình bày: Bà O thông nhất với lời trình bày của ông T không có ý kiến gì khác.

Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đình Nh trình bày:

Bà Nh là con ruột của ông Ch và bà O, việc ông T và ông Tr vay tiền của Ngân hàng như thế nào thì bà Nh không biết. Vào năm 2016, ông Ch và bà O cùng các chị em trong gia đình có cho bà Nh phần đất có diện tích ngang trước 1,6m và ngang sau 0,4m. Tổng diện tích là 10m² để bà Nh xây dựng căn nhà kế bên. Phần diện tích 10m² là tài sản riêng của bà Nh không có liên quan đến tài sản thế chấp trong vụ án này.

Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông

Nguyễn Quốc H trình bày:

Ông H là con rể của ông Ch và bà O, việc ông T và ông Tr vay tiền của Ngân hàng như thế nào thì ông H không biết. Ông H và bà Nh kết hôn vào năm 2017. Theo ông H được biết vào năm 2016 thì ông Ch và bà O cùng các chị em trong gia đình có cho bà Nh phần đất có diện tích ngang trước 1,6m và ngang sau 0,4m. Tổng diện tích là 10m² để vợ chồng ông H, bà Nh xây dựng căn nhà kế bên. Phần diện tích 10m² là tài sản riêng của bà Nh không có liên quan đến tài sản thế chấp trong vụ án này.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với đương sự đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Minh Tr; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Ch, ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị Đình Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét Hợp đồng tín dụng số 0557/2015/HĐTD-CN ngày 03/12/2015 thì thấy:

[2.1] Về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn vay:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên Tòa giữa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào ngày 03/12/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần PĐ – Chi nhánh Sóc Trăng cùng với ông Trần Văn T và ông Trần Minh Tr có ký Hợp đồng tín dụng số 0557/2015/HĐTD-CN để vay số tiền là 250.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn mua bán điểm tâm sáng, cà phê giải khát, phụ tùng xe máy, sửa chữa xe máy lãi suất cố định 10,8%/năm trong 12 tháng đầu, từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Sau khi vay do khó khăn về kinh tế nên đến nay ông T và ông Tr mới trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 90.200.000 đồng chưa trả số vốn còn lại theo hợp đồng. Nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định ông T, ông Tr còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần P Đ số tiền vốn vay 159.800.000 đồng.

[2.2] Như vậy trên thực tế giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần PĐ với ông Trần Văn T và ông Trần Minh Tr có giao kết hợp đồng tín dụng để vay số tiền là 250.000.000 đồng, các bên tiến hành giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình vay bên vay chỉ trả được số tiền vốn

90.200.000 đồng. Từ ngày 02/11/2017 đến nay ông T và ông Tr không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo đúng cam kết. Do đó ông T và ông Tr đã vi phạm Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 0557/2015/HĐTD-CN ngày 03/12/2015.

Hiện nay ông T và ông Tr còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần PĐ số tiền vốn và lãi tổng cộng là 214.436.236 đồng (trong đó tiền vốn trong hạn là 40.900.000 đồng, tiền vốn quá hạn là 118.900.000 đồng; tiền lãi trong hạn tính từ ngày 01/11/2017 đến hết ngày 05/3/2020 là 29.059.975 đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 05/11/2017 đến hết ngày 05/3/2020 là 25.576.261 đồng). Xét thấy ông T và ông Tr đã nhận tiền vốn vay của Ngân hàng số tiền là 250.000.000 đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi theo thỏa thuận, tính đến nay ông T và ông Tr mới trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 90.200.000 đồng còn nợ lại tiền vốn số tiền 159.800.000 đồng là vi phạm vào Điều 4 của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, cần buộc ông T và ông Tr phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay 159.800.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất: Ngân hàng Thương mại cổ phần PĐ yêu cầu tính lãi suất trong hạn là 11,9%/năm (từ ngày 01/11/2017 đến hết ngày 05/6/2018) và 12,3%/năm (từ ngày 06/6/2018 đến hết ngày 05/3/2020). Lãi quá hạn 17,85%/năm (từ ngày 05/11/2017 đến hết ngày 04/6/2018) và 18,45%/năm (từ ngày 05/6/2018 đến hết ngày 05/3/2020). Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng là phù hợp với quy định của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Tại Tòa ông T thống nhất về số tiền lãi trong hạn, quá hạn và mức lãi suất, thời gian tính lãi nêu trên. Do đó yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể nợ lãi tạm tính đến hết ngày 05/3/2020 là 54.636.236 đồng (lãi trong hạn 29.059.975 đồng, lãi quá hạn là 25.576.261 đồng).

Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi vay mà ông T, ông Tr phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P Đ là 214.436.236 đồng (trong đó tiền vốn trong hạn là 40.900.000 đồng, tiền vốn quá hạn là 118.900.000 đồng; tiền lãi trong hạn tính từ ngày 01/11/2017 đến hết ngày 05/3/2020 là 29.059.975 đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 05/11/2017 đến hết ngày 05/3/2020 là 25.576.261 đồng).

[5] Xét Hợp đồng thẻ tín dụng thì thấy:

[5.1] Về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn vay:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên Tòa giữa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào ngày 31/10/2016, ông Trần Văn T đã ký Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kèm hợp đồng với hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng. Ngày 07/12/2016, Ngân hàng đã bàn giao thẻ cho ông Trần Văn T. Ông T đã rút tổng cộng số tiền là 19.100.000 đồng. Sau khi vay do khó khăn về kinh tế nên đến nay ông T mới trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 4.100.000 đồng chưa trả số vốn 15.000.000 đồng còn lại theo hợp đồng. Nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định ông T còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần P Đ số tiền vốn vay 15.000.000 đồng.

[5.2] Như vậy trên thực tế giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần PĐ với ông Trần Văn T có giao kết hợp đồng thẻ tín dụng để vay số tiền là 15.000.000 đồng, các bên tiến hành giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín

dụng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình vay bên vay đã trả được số tiền vốn 4.100.000 đồng. Sau đó thì ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo đúng cam kết. Do đó ông T đã vi phạm theo các điều khoản của Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 31/10/2016, vi phạm theo Giấy cam kết ngày 09/11/2016 và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế OCB, Quyết định số 206/2016/QĐ-TGD ngày 05/02/2016 về việc ban hành quy định chính sách phát hành thẻ tín dụng quốc tế PD Mastercard.

[5.3] Xét thấy ông T đã nhận tiền vốn vay của Ngân hàng là 19.100.000 đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi theo thỏa thuận, tính đến nay ông T mới trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 4.100.000 đồng còn nợ lại tiền vốn số tiền 15.000.000 đồng là vi phạm vào các điều khoản của Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 31/10/2016, Giấy cam kết ngày 09/11/2016 mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, cần buộc ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay 15.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.4] Về lãi suất: Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận tại các Điều 4 và 5 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nên việc Ngân hàng yêu cầu trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 11, khoản 7 Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 24, điểm d khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước (đã được sửa đổi, bổ sung). Tại Tòa ông Tài thống nhất về số tiền lãi trong hạn, quá hạn và mức lãi suất, thời gian tính lãi nêu trên. Do đó yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi vay mà ông T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần PD là 82.113.251 đồng.

[6] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng:

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0557/2015/BĐ lập ngày 03/12/2015 do ông Trần Văn Ch và bà Huỳnh Thị Kiều O ký thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho ông Trần Văn T và ông Trần Minh Tr vay, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Ba Xuyên ngày 04/12/2015. Thì tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 988887, thửa đất số 2.670, tờ bản đồ số 6, diện tích 273m² do UBND huyện CT, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần Văn Ch vào ngày 30/9/2014.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án thì trên thửa đất số 2.670, tờ bản đồ số 6, diện tích 273m² do UBND huyện CT, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần Văn Ch vào ngày 30/9/2014 có một phần căn nhà của ông Nguyễn Quốc H và bà Trần Thị Đình Nh như sau:

Nhà mái bằng 02 tầng, 01 trệt, 01 lầu, nền lát gạch caramic, tường gạch 10, mái bê tông cốt thép, cửa sắt cuốn.

Chiều ngang phía trước: 1,8m.

Chiều ngang phía sau: 0,5m.

Chiều dài: 19,7m.

Tại biên bản lấy lời khai ông H, bà Nh và tại phiên Tòa bà O và ông T đều trình vào năm 2016 (sau khi ký hợp đồng thế chấp) thì ông Ch và bà O cùng các chị em trong gia đình có tự thỏa thuận cho ông H, bà Nh một phần diện tích đất nêu trên để cất căn nhà kế bên (việc thỏa thuận này gia đình không có báo cho phía Ngân hàng biết).

Tuy nhiên theo nội dung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0557/2015/BĐ lập ngày 03/12/2015 thì ông Ch và bà O không có thỏa thuận cho ông H, bà Nh một phần diện tích đất nêu trên để cất căn nhà. Từ khi vay đến nay cũng không có một văn bản nào thể hiện việc ông Ch và bà O cho ông H và bà Nh một phần diện tích đất nêu trên. Như vậy đối chiếu tại khoản 3 Điều 3 của Hợp đồng thế chấp *“Bên thế chấp không được sử dụng quyền sử dụng đất để thế chấp hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc bất kỳ hình thức nào khác”*. Nhưng trong thời gian thế chấp ông Ch và bà O tự ý cho một phần diện tích đất nêu trên để ông Hg, bà Nh cất nhà mà không thông qua Ngân hàng là vi phạm theo hợp đồng thế chấp mà hai bên đã ký kết.

Theo thỏa thuận trong các hợp đồng thế chấp trên thì phía Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bên vay (ông Trần Văn T và ông Trần Minh Tr) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 24, 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 (đã được sửa đổi bổ sung) của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Tại phiên tòa bà O cũng thừa nhận việc ký Hợp đồng thế chấp nêu trên là tự nguyện, không có ai ép buộc để đảm bảo cho ông T, ông Tr vay tiền như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Vì vậy, yêu cầu xử lý đối với tài sản này của Ngân hàng phù hợp với quy định và thỏa thuận nêu trên nên được chấp nhận.

Tuy nhiên, do một phần diện tích đất nêu trên ông H, bà Nh đã cất nhà kiên cố gắn liền với thửa đất số 2.670, tờ bản đồ số 6, diện tích 273m² do UBND huyện CT, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần Văn Ch vào ngày 30/9/2014. Nên khi xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0557/2015/BĐ lập ngày 03/12/2015 cần dành cho ông H, bà Nh được quyền ưu tiên mua, nhận chuyển nhượng nếu ông H, bà Nh có nhu cầu.

Trường hợp ông H, bà Nh không có nhu cầu theo khoản 19 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và khoản 1 Điều 325 Bộ luật dân sự 2015 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ thi hành án có thẩm quyền đồng thời xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nhưng phải ưu tiên thanh toán cho ông H, bà Nh một phần giá trị diện tích đất nêu trên của căn nhà tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

[7] Xét lời trình bày của bị đơn ông Trần Văn T tại phiên Tòa, ông T cho rằng do hoàn cảnh khó khăn nên đối với số tiền 214.436.236 đồng của Hợp đồng tín dụng ông Tài xin đến ngày 05/4/2020 sẽ trả dứt số nợ trên cùng với lãi phát sinh. Đối với số tiền 82.113.251 đồng của thẻ tín dụng thì ông T xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi trả dứt số nợ trên cùng với lãi phát sinh.

Đối với lời đề nghị của bị đơn do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[8] Tại phiên Tòa kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích nhận định nêu trên nên đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Ông Trần Văn T và ông Trần Minh Tr phải chịu án phí số tiền 10.721.811 đồng. Ngoài ra ông Trần Văn T còn phải chịu án phí đối với hợp đồng thế số tiền là 4.105.662 đồng.

[10] Về chi phí thẩm định tại chỗ: Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu chi phí thẩm định. Ông Trần Văn T và ông Trần Minh Tr phải chịu chi phí thẩm định số tiền là số tiền là 1.390.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước (đã được sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần PD.

2. Buộc ông Trần Văn T và ông Trần Minh Tr có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần PD tổng số tiền vốn và lãi vay là 214.436.236 đồng.

Buộc ông Trần Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần PD tổng số tiền vốn và lãi vay là 82.113.251 đồng.

Kể từ ngày 06/3/2020 ông Trần Văn T và ông Trần Minh Tr còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Trần Văn T và ông Trần Minh Tr phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần PD cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần PD.

Khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại cổ phần PD có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Văn T và ông Trần Minh Tr không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần PD có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 988887, thửa đất số 2.670, tờ bản đồ số 6, diện tích 273m² do UBND huyện CT, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần

Văn Ch vào ngày 30/9/2014. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0557/2015/BĐ lập ngày 03/12/2015 có công chứng tại Văn phòng công chứng Ba Xuyên ngày 04/12/2015 và tài sản trên đất theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/3/2018 như sau:

1. Thửa đất số 2670, có số đo và tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất của ông Nguyễn Quốc H, có số đo 19,7m, giáp đất của bà Trần Th, có số đo 27m.

Phía Tây giáp hẻm đất, có số đo 46,7m.

Phía Nam giáp đường tỉnh 932, có số đo 7,06m.

Phía Bắc giáp đất ông Trần Tài L, có số đo 3,9m.

(Số đo trên chưa trừ phần đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường tỉnh 932).

2. Tài sản trên đất:

2.1. Căn nhà số 01:

Diện tích $(6,5m + 5m) / 2 \times 5,26m = 30,24m^2$.

Có kết cấu: nền tráng xi măng, vách tol, mái tol, cửa sắt.

2.2. Căn nhà số 02:

Diện tích $(5m + 4,84m) / 2 \times 10,9m = 53,63m^2$.

Có kết cấu: nền lát gạch ceramic, tường 10, mái tol, không trần.

2.3. Căn nhà số 03:

Diện tích $(4,84m + 4,2m) / 2 \times 6,5m = 29,38m^2$.

Có kết cấu: nền lát gạch ceramic + tường 10, mái tol, không trần.

2.4. Nhà tạm:

Diện tích $(4,2m \times 16,5m) = 60,9m^2$.

Có kết cấu: nền tráng xi măng, vách lá, mái tol, cửa tạm.

2.5. Tường rào (tường 10)

Diện tích $(6m \times 1,5m) + (0,8m \times 0,6m) = 13,8m^2$.

Tường 10, trụ đà bê tông cốt thép.

2.6. Một phần căn nhà của ông Nguyễn Quốc H và bà Trần Thị Đình Nh.

Nhà mái bằng 02 tầng, 01 trệt, 01 lầu, nền lát gạch ceramic, tường gạch 10, mái bê tông cốt thép, cửa sắt cuốn.

Chiều ngang phía trước: 1,8m.

Chiều ngang phía sau: 0,5m.

Chiều dài: 19,7m.

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0557/2015/BĐ lập ngày 03/12/2015 có công chứng tại Văn phòng công chứng Ba Xuyên ngày 04/12/2015 để Ngân hàng thu hồi nợ.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Trần Văn T và ông Trần Minh Tr phải chịu số tiền là 10.721.811 đồng. Ngoài ra ông Trần Văn T còn phải chịu án phí đối với hợp đồng thế số tiền là 4.105.662 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần P Đ không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần PĐ số tiền tạm

ứng án phí đã nộp tổng cộng là 9.046.175 đồng theo các biên lai thu số 0000182 ngày 24/01/2018, số 0004702 ngày 30/10/2018 và số 0004858 ngày 07/01/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Số tiền là 1.390.000 đồng ông Trần Văn T và ông Trần Minh Tr phải chịu. Do Ngân hàng Thương mại cổ phần PD đã nộp tạm ứng trước số tiền là 1.390.000 đồng nên ông T, ông Tr phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần PD số tiền 1.390.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thanh Loan

